

宏國學校財團法人宏國德霖科技大學學則

NỘI QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT HỒNG QUỐC ĐỨC LÂM

中華民國 100 年 05 月 18 日教務會議修訂通過
中華民國 100 年 06 月 08 日校務會議修訂通過
中華民國 100 年 06 月 29 日教育部台技(四)字第 1000105591 號函備查
中華民國 101 年 05 月 23 日教務會議修訂通過
中華民國 101 年 06 月 06 日校務會議修訂通過
中華民國 101 年 06 月 21 日教育部台技(四)字第 1010113009 號函備查
中華民國 101 年 09 月 27 日教務會議修訂通過
中華民國 101 年 10 月 30 日校務會議修訂通過
中華民國 101 年 11 月 16 日教育部台技(四)字第 1010214802 號函備查
中華民國 103 年 01 月 06 日教務會議修訂通過
中華民國 103 年 02 月 19 日校務會議修訂通過
中華民國 103 年 03 月 05 日教育部臺教技(四)字第 1030028928 號函備查
中華民國 103 年 10 月 16 日教務會議修訂通過
中華民國 103 年 10 月 27 日校務會議修訂通過
中華民國 103 年 11 月 18 日教育部臺教技(四)字第 1030163857 號函備查
中華民國 104 年 12 月 16 日教務會議修訂通過
中華民國 104 年 12 月 22 日校務會議修訂通過
中華民國 105 年 1 月 4 日教育部臺教技(四)字第 1040181958 號函備查
中華民國 106 年 7 月 25 日 105 學年度第二學期第 3 次校務會議修正通過
中華民國 106 年 9 月 6 日教務會議修訂通過
中華民國 106 年 11 月 27 日校務會議修訂通過
中華民國 106 年 12 月 11 日教育部臺教技(四)字第 1060179555 號函備查
中華民國 107 年 12 月 19 日教務會議修訂通過
中華民國 108 年 1 月 23 日校務會議修訂通過
中華民國 108 年 1 月 30 日教育部臺教技(四)字第 1080016357 號函備查
中華民國 108 年 05 月 16 日教務會議修訂通過
中華民國 108 年 6 月 14 日校務會議修訂通過
中華民國 108 年 7 月 2 日教育部臺教技(四)字第 1080093913 號函備查

第一章 總 則

CHƯƠNG I : TỔNG QUÁT

第 一 條 本校依據大學法、大學法施行細則、學位授予法、及有關規定訂定本學則，據以處理學生學籍及相關事宜，除法令另有規定外，悉依照本學則辦理。

Điều 1 Nhà trường dựa theo luật Đại học , luật thi hành luật Đại học , luật cấp bằng học vị và các quy định nhà trường thiết lập có liên quan để giải quyết các vấn đề về của sinh viên và các vấn đề có liên quan , ngoài quy định khác của pháp luật , đều căn cứ theo quy định của nhà trường để xử lý.

第 二 條 本校附設專科部學則另訂，並報部備查。

Điều 2 Nhà trường ngoài ra đặt ra một số quy định cho bộ phận chuyên khoa , để báo cáo và tra cứu.

第二章 入 學

CHƯƠNG II : NHẬP HỌC

第 三 條 本校於每學年規定期間內，得經相關入學招生管道方式公開招收各學制新生；其招生辦法經報請教育部核定後實施，並據此訂定相關之招生簡章。

Điều 3 Nhà trường trong khoảng thời gian quy định của mỗi năm học đều tuyển sinh công khai thông qua các kênh tuyển sinh liên quan ; Phương thức tuyển sinh sẽ được thực hiện sau khi được Bộ Giáo dục phê duyệt và tài liệu tuyển sinh liên quan sẽ được thiết lập phù hợp.

一、凡具有下列資格之一者，經入學考試錄取者，得就讀本校四年制一年級：

1) Bất cứ ai có một trong những điều kiện được liệt kê dưới đây, thông qua thi tuyển đều có thể học năm đầu tiên trong hệ đại học bốn năm của nhà trường:

(一) 公立或已立案之私立高級職業學校或高中（包括高中附設之職業類科）畢業者。

(1) Sinh viên tốt nghiệp các trường cấp 3 hoặc trường trung cấp nghề công lập hoặc tư lập (bao gồm các môn học nghề của các trường cấp 3).

(二) 公立或已立案之私立高級職業進修（補習）學校（含空中補校）畢業者。

(2) Sinh viên tốt nghiệp các trường đào tạo nghề (bổ túc) công lập hoặc tư lập.

(三) 公立或已立案之私立高級中學附設之職業類科進修（補習）學校（含空中補校）畢業者。

(3) Sinh viên tốt nghiệp các trường đào tạo các loại ngành nghề (bổ túc) (bao gồm những trường học hệ đào tạo từ xa)

(四) 合於教育部規定相關同等學力報考規定者。

(4) Sinh viên phù hợp với quy định học lực thi tuyển của Bộ Giáo Dục.

二、凡具有下列資格之一，經入學考試錄取者，得就讀本校二年制三年級：

2) Bất kể ai có một trong những điều kiện được liệt kê dưới đây, thông qua cuộc thi tuyển sinh, đều có thể học năm ba trong hệ hai năm của nhà trường :

(一) 國內公立或已立案之私立專科以上學校畢業者或國外同等級之專科以上學校畢業者。

(1) Sinh viên tốt nghiệp các trường chuyên khoa công lập hoặc tư lập trong nước, hoặc những trường chuyên khoa có học lực tương đương trở lên của nước ngoài .

(二) 專科進修（補習）學校畢業者。

(2) Sinh viên tốt nghiệp các trường đào tạo chuyên khoa (bổ túc)

(三) 合於教育部規定相關同等學力報考規定者。

(3) Sinh viên phù hợp với quy định học lực tương đương của Bộ Giáo Dục.

- 第 四 條 本校得依有關規定接受甄試及甄審錄取學生、教育部分發之特種身分學生及酌收外國籍學生，外國學生招生辦法另訂並經教育部核定後實施。
- Điều 4 Nhà trường dựa theo các quy định tiếp nhận đánh giá học sinh đã nhận được tư cách nhập học, học sinh có thân phận đặc biệt được Bộ Giáo Dục chứng nhận và học sinh người nước ngoài, tuyển sinh học sinh nước ngoài sẽ tiến hành sau khi Bộ Giáo Dục phê chuẩn.
- 第 五 條 凡經錄取之新生或轉學生，應於規定日期來校辦理入學手續，逾期不辦理者取消其入學資格。
- Điều 5 Bất kỳ tân sinh viên hoặc sinh viên chuyển trường được tuyển chọn, cần theo đúng thời gian quy định làm các thủ tục nhập học, quá thời hạn quy định sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.
- 第 六 條 新生或轉學生入學報到時須繳驗有效之學歷（力）證明文件方得入學，其有正當理由申請緩期補繳而經核准者，得先行入學但應於規定期限補繳，否則取消其入學資格。
- Điều 6 Tân sinh viên hoặc sinh viên chuyển trường khi đến báo danh phải nộp giấy chứng minh trình độ học vấn hợp lệ mới có thể nhập học, chỉ có người có lý do chính đáng mới được phép xin nộp muộn và thông qua phê duyệt mới được nhập học, khi nhận được tư cách nhập học cần phải trong thời gian quy định nộp bù, nếu không sẽ bị hủy tư cách nhập học.
- 第 七 條 新生因重病或特殊事故，不能按時入學時，得檢具相關證明文件於註冊截止前報請本校核准後保留入學資格 1 年；若因徵召入伍服役，得保留至服役期滿（若役期期滿恰為學期期中，得保留至退役之次學期）；因懷孕、分娩或撫育 3 歲以下子女並持有證明者，入學資格保留年限得依其懷孕、分娩或撫育 3 歲以下子女之需要提出申請；因參加「青年教育與就業儲蓄帳戶方案」者，得申請保留入學資格或於入學後申請休學，期間以 3 年為限且不納入原定保留入學資格或休學期間之計算，以放寬保留入學資格及休學年限。
前述新生毋需繳納任何費用，惟轉學生不得申請保留入學資格，學生申請保留入學資格辦法另訂之。
- Điều 7 Nếu sinh viên mới vì bệnh nặng hoặc có việc đặc biệt không thể nhập học theo đúng thời gian quy định, cần phải có những giấy tờ chứng minh cụ thể liên quan trước hạn chót đăng ký để nhà trường phê duyệt bảo lưu tư cách nhập học 1 năm; Nếu lý do cần nhập ngũ, cần phải bảo lưu tới khi hết nghĩa vụ quân sự (Nếu thời gian xuất ngũ đúng vào trong học kỳ, cần bảo lưu đến học kỳ hết nghĩa vụ quân sự); Nếu mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi cần phải có giấy chứng nhận, thời hạn bảo lưu tư cách nhập học cần dựa theo nhu cầu việc mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi để đưa ra yêu cầu; người vì tham gia 「Phương án giáo dục và tài khoản tiết kiệm việc làm cho thanh niên」, được phép đăng ký bảo lưu tư cách nhập học hoặc sau khi nhập học đăng kí xin bảo lưu việc học, Thời hạn được giới hạn trong 3 năm và không được bao gồm thời gian bảo lưu tư cách nhập học hoặc tạm thời nghỉ học ban đầu để nói lỏng hơn về thời gian bảo lưu tư cách nhập học và thời gian xin bảo lưu việc học.
Học sinh mới với những trường hợp bên trên không phải nộp bất kỳ khoản chi phí nào, duy nhất những sinh viên thuộc diện chuyển trường không

được phép xin bảo lưu tư cách nhập học , nếu sinh viên cần xin bảo lưu tư cách nhập học thì sẽ có các quy định khác .

第八條 新生或轉學生入學考試如有舞弊經查證屬實並判刑確定者，或其所繳入學相關證明文件如有偽造、變造、冒用、或有舞弊等情事，撤銷其學籍，且不發給修業有關之任何證明文件；畢業後發現者，撤銷其畢業資格，並追繳或註銷其學位證書。

Điều 8 Tân sinh viên hoặc sinh viên chuyển trường trong kỳ thi nhập học nếu hành vi gian lận đã xác minh là đúng sự thật và phán quyết, hoặc những giấy tờ chứng minh liên quan việc nhập học có hành vi giả tạo, thay đổi, mạo dùng hoặc gian lận sẽ hủy bỏ tư cách sinh viên, và cấp bất kỳ giấy tờ chứng minh học lực; sau khi đã tốt nghiệp bị phát hiện, vẫn sẽ hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và yêu cầu giao nộp lại hoặc hủy bỏ bằng tốt nghiệp học vị.

第三章 註冊、選課

CHƯƠNG III ĐĂNG KÝ, CHỌN KHÓA HỌC

第九條 學生每學期應依照規定繳納各項費用，並於規定期限內，至教務處核蓋註冊章，即完成註冊程序，其註冊須知另行訂定。凡於註冊入學後，因故休學或退學者，其退費標準依相關規定辦理。

Điều 9 : Sinh viên mỗi học kỳ cần phải nộp học phí theo đúng quy định, và trong thời gian quy định cần đến phòng giáo vụ đóng dấu, sau khi hoàn thành thủ tục báo danh, ngoài ra quy trình báo danh cần biết có những quy định khác. Nếu sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, cần xin tạm thời nghỉ học hoặc xin thôi học, hoàn trả lại phí sẽ xử lý theo quy định tiêu chuẩn.

第十條 學生如因病或特殊事故須檢具證明文件於註冊截止前請假，核准者得延期註冊但至多以兩星期為限，未經准假或超過准假日期而未辦理註冊者，新生取消入學資格，舊生即應令退學。

Điều 10 Sinh viên nếu do bị bệnh hoặc có việc đặc biệt cần phải có những giấy tờ chứng minh cụ thể và cần xin nghỉ trước thời hạn báo danh, người được chấp thuận được kéo dài thời hạn báo danh không được quá hai tuần, nếu chưa được thông qua chấp thuận hoặc vượt quá thời hạn cho phép mà vẫn chưa báo danh, thì học sinh mới sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học, sinh viên cũ sẽ phải thôi học.

第十一條 學生選課須依照各系訂定之課程表及本校學生選課辦法辦理，學生選課辦法另訂之。學生加、退選科目，應於每學期規定期限內行之，並依據學生選課辦法辦理。

Điều 11 Sinh viên chọn môn học cần dựa theo thời khóa biểu đã định ra cho từng ngành học và 「Phương pháp lựa chọn khóa học của sinh viên nhà trường」. Học sinh chọn thêm bớt môn học cần trong thời gian quy định của từng học kỳ đã quy định mới được và căn cứ vào 「Phương pháp lựa chọn môn học của sinh viên」.

第十二條 學生不得修習上課時間互相衝突之科目，如經發現，衝堂各科目之成績均以零分計算。名稱或內容相同之科目已經修習及格者不得重修。

Điều 12 Sinh viên không được lựa chọn các môn có xung đột với nhau về thời gian

học, nếu có phát hiện, điểm các môn bị xung đột sẽ bị tính là 0. Các môn học có tên và nội dung tương đồng đã nhận được tín chỉ qua sẽ không được học lại.

- 第十三條 本校得視需要利用暑期開授課程，暑期開班授課辦法另訂之。
- Điều 13 Nhà trường sẽ xem xét cần dùng thời gian nghỉ hè để mở lớp học, phương pháp mở lớp học hè cũng sẽ được thiết lập riêng.
- 第十四條 延長修業年限學生選課超過 10 學分（含）者，仍應按一般學生註冊繳全費。
- Điều 14 Sinh viên trễ tốt nghiệp lựa chọn hơn 10 tín chỉ cần phải trả học phí như những học sinh thường.
- 第十五條 本校學生跨校際選修他校課程，以本校未開設之科目為原則，且應經本校及他校同意，但其修習學分數以不超過當學期修習學分數三分之一為原則。學生校際選課實施辦法另訂之。
- Điều 15 Sinh viên của nhà trường trong trường hợp chọn môn học tự chọn và học tại trường quốc tế khác cần dựa trên nguyên tắc những môn học mà nhà trường chưa có, và cần thông qua sự đồng ý của nhà trường và trường đang đào tạo, tín chỉ chọn môn khác không được vượt quá 1/3 tín chỉ chọn môn của học kỳ đó. Phương pháp chọn môn của học sinh được đặt riêng.

第四章 修業年限、學分、成績

CHƯƠNG IV SỐ NĂM ĐÀO TẠO, TÍN CHỈ, THÀNH TÍCH

- 第十六條 本校採學年學分制。四年制各系修業年限以 4 年為原則，至少須修滿 128 學分，二年制各系修業年限不得少於 2 年，至少須修滿 72 學分。學生在規定修業年限內未能修足規定學分，得延長修業年限，至多得延長 2 年。

持海外中五學制畢業生(相當於國內高級中等學校二年級之國外或香港澳門地區同級同類學校畢業學士班學生)，以同等學力資格入學後，應在規定之修業期限內增加應修之畢業學分數至少 12 學分。增加之畢業應修學分數由各系訂定之。

學生因懷孕、分娩、撫育 3 歲以下子女之需要，得延長修業期限。

身心障礙學生修讀學士學位，因身心狀況及學習之需要，得延長修業年限，至多 4 年，並不適用因學業成績退學之規定。身心障礙學生須具下列情形之一，並持有證明：

- (一) 領有身心障礙手冊者。
- (二) 各直轄市、縣(市)政府特殊教育學生鑑定及就學輔導委員會鑑定為身心障礙安置就學者。
- (三) 其他專業鑑定單位鑑定者。

身心障礙學生為領有身心障礙手冊者，學生於畢業前喪失手冊者，仍繼續適用其相關規範。

- Điều 16 Nhà trường dựa theo chế độ tín chỉ năm học phân chia. Số năm đào tạo các khoa hệ 4 năm sẽ lấy 4 năm làm chủ, ít nhất cần phải đạt được 128 tín chỉ, số năm đào tạo các khoa hệ 2 năm sẽ lấy 2 năm làm chủ, ít nhất cần phải đạt được 72 tín chỉ. Học sinh trong thời gian đào tạo không đạt đủ tín chỉ,

cần phải kéo dài thời gian đào tạo, nhiều nhất được kéo dài 2 năm.
Sinh viên tốt nghiệp hệ 5 năm theo chương trình liên kết nước ngoài (tương đương với học sinh học hai năm của 1 trường trong nước hoặc sinh viên lớp cử nhân tốt nghiệp trường nước ngoài hoặc trường đồng cấp khu vực Hồng Kông hoặc Macao), với tư cách học lực tương đương để nhập học, cần trong thời gian đào tạo đã quy định tăng thêm tín chỉ tốt nghiệp ít nhất 12 tín chỉ. Tín chỉ tốt nghiệp của mỗi môn do từng ngành quy định riêng.
Sinh viên vì lý do mang thai, sinh nở, nuôi con dưới 3 tuổi có thể kéo dài thời gian đào tạo. Người khuyết tật học cử nhân, do tình trạng thể chất tinh thần và nhu cầu học tập, có thể kéo dài thời gian đào tạo nhiều nhất là 4 năm, nó không được áp dụng cho các yêu cầu thôi học do thành tích học tập. Người khuyết tật trong những trường hợp dưới đây cần phải có giấy chứng minh:

- (1) Những người có quyền sở cho người khuyết tật .
- (2) Giám định học viên giáo dục đặc biệt của chính phủ ở các thành phố , huyện và Ủy ban tư vấn giám định là 1 học giả khuyết tật
- (3) Những người giám định của những đơn vị chuyên gia giám định khác .

Sinh viên khuyết tật có sở người khuyết tật, trước lúc tốt nghiệp làm mất sở vẫn tiếp tục áp dụng những quy định có liên quan .

第十七條

學生每學期所修學分數，四年制：一至三年級不得少於 12 學分，不得多於 25 學分，四年級不得少於 7 學分，不得多於 30 學分。二年制：所修上、下限與四年制後二年相同。

學生參與全學期校外實習課程，則當學期所修學分數不受前項規定限制，但不得少於系科所規劃實習課程學分。

學生前學期操行成績、學業平均成績皆在 80 分以上次學期經系主任核可後，得加選一至二科目之學分，並得修習本系組或他系組較高年級之必、選修課程。其他非符合前述規定者，則需經系主任協助專案提出申請，業經教務處核可後，始可加修一至二科目。

Điều 17

Số tín chỉ của sinh viên mỗi học kỳ, hệ 4 năm : từ năm 1 đến năm 3 mỗi năm chọn môn không được ít hơn 12 tín chỉ, không được nhiều hơn 25 tín chỉ, năm thứ 4 không được ít hơn 7 tín chỉ , không được nhiều hơn 30 tín chỉ. Hệ 2 năm: năm nhất và năm hai giống với hai năm cuối hệ 4 năm.
Sinh viên tham gia các khóa học thực tập ngoài trường, học kỳ đó số tín chỉ không bắt buộc theo quy định, nhưng không được ít hơn số tín chỉ mà khoa đã quy định dành cho học sinh thực tập.

Điểm hạnh kiểm của học sinh trong học kỳ trước trên 80 điểm trở lên và thông qua xác nhận của chủ nhiệm khoa thì học kỳ tiếp theo thêm từ 1 đến 2 môn học dựa trên tín chỉ mỗi môn, và được phép chọn các môn học bắt buộc và tự chọn lớp cao hơn ở khoa mình hoặc khoa khác. Sinh viên không phù hợp với điều trên, cần thông qua sự hỗ trợ của chủ nhiệm khoa làm đơn xin làm đề án, thông qua sự phê chuẩn của bên phòng Giáo Vụ, mới có thể lựa chọn thêm từ 1 đến 2 môn học.

第十八條

進修部學生以夜間或假日上課為原則，學生每學期修習學分數不得少於 7 學分，至多依日間部規定辦理。

Điều 18

Sinh viên đào tạo theo hệ bổ túc hoặc ngày nghỉ, số tín chỉ mỗi học kỳ của

sinh viên không được ít hơn 7 tín chỉ, nhiều nhất dựa theo quy định giống như hệ đào tạo ban ngày.

第十九條 各科目學分之計算，原則上以每週授課 1 小時滿一學期者為 1 學分，實驗、實習或製圖以每週授課 2 至 3 小時滿一學期為 1 學分。

Điều 19 Tính toán tín chỉ của các môn học, trên nguyên tắc mỗi tuần học đủ 1 tiếng đồng hồ trong thời gian một học kỳ sẽ tính là 1 tín chỉ, thực hành, thực tập hoặc làm đồ án mỗi tuần học đủ 2-3h trong thời gian 1 học kỳ sẽ được tính là 1 tín chỉ.

第二十條 學生學業成績考查，原則上分為平時考查、期中考試、期末考試成績等三項。各任課教師依據本科目之教學規範與專業特性等並參照上述三項成績予以適當考核。各任課教師應於規定時間內繳交該科目學期成績。

Điều 20 Thành tích thi cử của sinh viên lấy từ thành tích của 3 hạn mục: kiểm tra bình thường, kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ. Giáo viên của từng môn sẽ căn cứ theo quy định và đặc điểm chuyên môn của môn học đó và tham khảo thành tích của 3 phần trên để đưa ra đề thi phù hợp. Giáo viên sẽ trong thời gian quy định giao nộp thành tích học kỳ của môn học đó.

第二十一條 凡學期成績不及格者，均不得補考、亦不給學分；必修科目不及格須重補修。全學年選修課程，任一學期成績及格者，承認其所修學分。

Điều 21 Sinh viên thành tích không đạt yêu cầu đều sẽ không được thi lại và không được tính tín chỉ; những môn học bắt buộc không đạt yêu cầu sẽ bắt buộc phải học lại. Các môn học tự chọn trong cả năm học, thành tích đạt yêu cầu trong bất kỳ học kỳ, tín chỉ được công nhận.

第二十二條 學生成績分為學業、操行二種。採百分記分法核計為原則。以 100 分為滿分。以 60 分為及格。學生成績亦得採等第記分法，等第記分法、百分記分法及 G.P.A. 記分法，對照表如下：

Điều 22 Thành tích điểm số của sinh viên sẽ có hai loại: học tập và hạnh kiểm. Phương pháp tính điểm lấy 100 điểm là thang điểm cao nhất. Lấy 60 điểm là điểm đạt yêu cầu. Thành tích của sinh viên có thể tính theo thang điểm chữ, phương pháp tính điểm và phương pháp tính điểm G.P.A, theo bảng dưới đây:

等第記分法 Thang điểm chữ	百分記分法 Thang điểm 100	G.P.A.
甲等(A)	80 分以上 80 điểm trở lên	4
乙等(B)	70 分以上未達 80 分 Trên 70 điểm chưa đến 80 điểm	3
丙等(C)	60 分以上未達 70 分 Trên 60 điểm chưa đến 70 điểm	2
丁等(D)	50 分以上未達 60 分 Trên 50 điểm chưa đến 60 điểm	1
戊等(E)	未達 50 分 Chưa đạt đến 50 điểm	0

- 第二十三條 平時考查、期中考試、期末考試未經請假而缺考者為曠考，其曠考部分之成績以零分計算。
- Điều 23 Kiểm tra thường xuyên , kiểm tra giữa kỳ , kiểm tra cuối kỳ khi chưa thông qua xin nghỉ mà không tham gia kiểm tra sẽ được coi là bỏ thi, bỏ thi sẽ bị tính là 0 điểm.
- 第二十四條 學生期中考試及期末考試期間因重病住院、直系尊親之喪假、公假、因懷孕、分娩或撫育 3 歲以下子女引發之事(病)假或產假突發狀況等不可抗拒事故無法參加考試，而於考試前經請假核准者，准予補考一次為限；因公假、懷孕、分娩或撫育 3 歲以下子女引發之事(病)假或產假，補考按實際給分，其他事故請假補考者，其成績超過 60 分以上部份以百分之五十計。學生學期考試請假及補考辦法另訂之。
- Điều 24 Sinh viên kiểm tra giữa kỳ và kiểm tra cuối kỳ do bị bệnh nặng phải nằm viện, nhà có tang lễ người nhà trực hệ, ngày nghỉ lễ, mang thai, sinh nở hoặc nuôi con dưới 3 tuổi sự việc xảy ra đột ngột không thể tham gia thi, người trước khi kiểm tra có xin phép nghỉ sẽ được thi bù 1 lần; người do mang thai, sinh nở hoặc chăm con dưới 3 tuổi điểm số sẽ dựa trên điểm thực tế kiểm tra được, những sự việc khác xin nghỉ phép kiểm tra bù, nếu điểm số trên 60 điểm sẽ được tính theo 50%. Các quy định về xin phép nghỉ thi và thi bù như trên.
- 第二十五條 學生如因重病住院不能參加學期考試，亦無法如期補考，以致在次學期註冊日期前，無法補登成績者，得檢具地區醫院(含)以上證明，向教務處(組)申請，並經教務長核准，未參加學期考試之學期可追認作休學論。
- Điều 25 Sinh viên do bệnh nặng phải nằm viện không thể tham gia thi học kỳ, không thể thi bù như dự kiến vì vậy trước ngày đăng ký của học kỳ thứ tiếp theo không thể bù điểm số, cần phải cung cấp giấy chứng minh của bệnh viện gửi lên phòng Giáo Vụ, sau khi thông qua trường phòng Giáo Vụ phê chuẩn, học kỳ không thể tham gia thi có thể được coi là tạm nghỉ học.
- 第二十六條 學生於考試時，若有重大違規行為，一經查出，除該次考試成績以零分計算外，並依據學生獎懲辦法由學務處(組)給予適當之處分。
- Điều 26 Sinh viên khi thi, nếu có hành vi vi phạm nghiêm trọng, khi điều tra ra thành tích thi cử lần này sẽ tính 0 điểm, căn cứ theo quy định thưởng phạt sinh viên sẽ do phòng Học Vụ sẽ đưa ra hình phạt thích đáng.
- 第二十七條 各項成績經任課教師評定送交教務處經公告後即不得更改，學生查詢學期成績有疑義時，應於次學期開學後 2 週內，向任課教師提出複查，因核算、登錄或遺漏而衍生之錯誤，經任課教師提出申請並附相關資料證明，會同系主任查證，經教務長核示後，始得更正，並送教務會議備查。
- Điều 27 Tất cả các thành tích sẽ được nộp cho phòng Học vụ được đánh giá bởi giáo viên của lớp và sẽ không được thay đổi sau khi thông báo, khi sinh viên tra thành tích của mình có vấn đề nghi vấn, trong 2 tuần sau khi khai giảng phải xin giáo viên lớp kiểm tra lại , nếu lỗi phát sinh do tính toán, đăng nhập hoặc thiếu sót, sau khi thông qua giáo viên đưa ra các bằng chứng tài liệu liên quan, thông qua chủ nhiệm khoa xác minh, trưởng văn phòng Giáo Vụ phê chuẩn xác nhận sẽ bắt đầu sửa đổi, và gửi đưa ra trong các cuộc họp

- giáo vụ.
- 第二十八條 各科目學期成績，由授課教師根據平時考查、期中考試、期末考試成績計算，填入成績記載表，應於規定時間內送交教務處註冊組登錄並保存；學生各項評定成績之資料與試卷由任課教師負責保存1年，歷年成績記載表由教務處註冊組永久保存，以備查考或備主管教育行政機關調閱。惟送學生獎懲委員會處理之行政訴訟者，應保存至行政訴訟完畢。
- Điều 28 Thành tích các học kỳ các môn sẽ do giáo viên môn căn cứ vào thành tích của kiểm tra hàng ngày, kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ tính toán và điền vào bảng thành tích, trong thời gian quy định sẽ giao nộp lại cho phòng Giáo Vụ để nhập dữ liệu và bảo lưu; Các tài liệu và bài kiểm tra kết quả đánh giá của học sinh được giáo viên lưu giữ trong 1 năm, thành tích của sinh viên sẽ do phòng Giáo Vụ lưu trữ vĩnh viễn, để tiện việc tra cứu hoặc chuẩn bị cho cơ quan hành chính giáo dục chủ quản tra cứu. Chỉ những vụ kiện hành chính được gửi đến Ủy ban khen thưởng và trừng phạt học sinh mới được lưu lại cho đến khi vụ kiện hành chính được hoàn thành.
- 第二十九條 本校學生有下列情形之一者，得於入學時依抵免學分辦法之規定辦理抵免：
- 一、學生入學前已修習及格科目之學分（含本校專科部學生與高中職策略聯盟學校學生預修大學部專業課程）。
 - 二、學生入學前在業界實習之實務經驗與所學相關者。
 - 三、學生在學期間從事與實習課程相關之實務工作。
- 經抵免學分後，得提高編班年級，但抵免後其在校修業，不得少於該學制修業期限及畢業應修學分數二分之一，且不得少於一年，並符合最低畢業學分規定，始得畢業。學生抵免學分辦法及提高編級作業要點另訂之。
- Điều 29 Sinh viên nhà trường thuộc một trong những trường hợp sau đây, khi nhập học theo quy định miễn tín chỉ như sau:
- 1, Sinh viên trước khi nhập học tín chỉ của môn học đó đã học và thông qua (bao gồm sinh viên chuyên khoa nhà trường và sinh viên trường liên kết trung học khóa dự bị đại học)
 - 2, Sinh viên trước khi nhập học là những người có kinh nghiệm và học lực tương đương có liên quan.
 - 3, Sinh viên trong thời gian học tham gia khóa học thực tập có liên quan. Sau khi được miễn giảm tín chỉ, được đưa lên lớp cao hơn, nhưng sau khi miễn giảm tín chỉ đào tạo ở trong trường không được ít hơn 1/2 số tín chỉ mà quy định sinh viên trong thời gian đào tạo và tốt nghiệp phải học, và không được ít hơn 1 năm, đáp ứng được ít nhất về số tín chỉ quy định để tốt nghiệp sẽ được tốt nghiệp. Sinh viên miễn tín chỉ và nâng cao trọng điểm việc phân cấp quy định tại đây.

第三十條 本校學生因研究、訓練、學習或參與國際性技藝能競賽、會議或其他重大因素需出國者，得提出出國申請，其出國期間有關學業及學籍處理辦法另訂之。

Điều 30 Sinh viên nhà trường do nghiên cứu, huấn luyện, học tập hoặc tham gia các cuộc thi kỹ năng tính quốc tế, hội nghị hoặc những người vì yếu tố chính khác cần phải đi ra nước ngoài, phương pháp xử lý tình trạng học tập của sinh viên trong thời gian ra nước ngoài.

第五章 請假、休學、復學、退學

CHƯƠNG V XIN NGHỈ PHÉP, BẢO LƯU, TRỞ LẠI HỌC, XIN THÔI HỌC

第三十一條 學生因故未能上課者須依規定辦理請假，請准假者每請假 1 小時為缺課 1 小時計，未經請假而未到課者為曠課。期中、期末考試因故未能到考者，依規定完成請假手續。請假規則另訂之。

Điều 31 Sinh viên do có việc không thể đến lớp học cần xin nghỉ theo đúng quy định, người xin nghỉ học đã được phê duyệt xin nghỉ 1 tiếng đồng hồ phải nghỉ đúng thời gian phê duyệt, chưa được phê duyệt nghỉ học sẽ được tính là trốn học. Kỳ thi giữa kỳ và cuối kỳ vì có việc không thể tham gia thi, theo đúng quy định hoàn thành thủ tục xin nghỉ thi. Quy định xin nghỉ được đặt riêng.

第三十二條 學生因重病（須經公立醫院證明）或重大事故經家長或監護人同意（含日間部各學制及進修部未成年學生），得申請休學。申請時限最遲應於規定之期末考試前一週提出，並完成休學程序，經核准後，向教務處（組）辦理離校手續，並得請領休學證明書。

Điều 32 Sinh viên do bị bệnh nặng (cần phải có giấy chứng minh của bệnh viện) hoặc có việc trọng đại đã thông qua sự đồng ý của phụ huynh hoặc người giám hộ đồng ý (bao gồm những sinh viên chưa vị thành niên các hệ ban ngày và hệ đào tạo tại chức), cần phải xin phép nghỉ học. Khi xin nghỉ muộn nhất vào trước 1 tuần kỳ thi giữa kỳ. Và hoàn thành quy trình tạm thời nghỉ học, sau khi được chấp thuận, hãy đến Văn phòng Học vụ (nhóm) để làm thủ tục rời trường và phải nhận giấy chứng nhận tạm thời nghỉ học.

第三十三條 學生申請休學期限，得以一學期、一學年或二學年計；休學累計最多以二學年為原則，若因重大傷病或其他特殊緣故須提出正式醫療證明或證明文件，經教務會議決議核准後，得再酌予延長休學年限，至多以 2 年為限。

Điều 33 Sinh viên xin bảo lưu học vị lấy 1 học kỳ, 1 năm học hoặc 2 năm học để tính; Thời gian xin bảo lưu nhiều nhất là 2 năm học, nếu có bị thương hay mắc bệnh nặng hoặc những sự việc đặc thù khác cần đưa ra giấy của bệnh viện hoặc giấy tờ chứng minh, sau khi được thông qua bởi hội nghị Giáo Vụ, mới có thể tiếp tục kéo dài thêm thời gian tạm thời nghỉ học, và nhiều nhất là 2 năm.

- 第三十四條 學生於休學期間應徵服役未能依規定時間註冊時，應檢同徵集令影本向教務處申請延長休學期限，展緩入學。服役期滿（以義務役為限）後檢具退伍令申請復學。
學生因懷孕、分娩或撫育 3 歲以下子女得專案申請休學，其休學期間不計入休學年限。
- Điều 34 Sinh viên bảo lưu cần phải tham gia nghĩa vụ quân sự và không xác định được thời gian đăng ký, cần mang bản photo lệnh tập trung đưa cho phòng Giáo Vụ để kéo dài thời gian tạm bảo lưu, nhập học muộn hơn. Thời gian phục vụ quân đội kết thúc (giới hạn nghĩa vụ quân sự bắt buộc) cần mang lệnh giải ngũ để xin quay lại học.
Sinh viên vì mang thai, sinh nở hoặc nuôi con dưới 3 tuổi cần xin tạm nghỉ học, thời gian tạm thời nghỉ học sẽ không tính vào thời gian bảo lưu.
- 第三十五條 學生休學期間，如有表現優良或因行事不端而違犯校規毀損校譽者，本校得視情節輕重，依學生獎懲辦法予以獎勵或處分。
- Điều 35 Sinh viên trong thời gian bảo lưu, nếu có biểu hiện tốt hoặc vì hành sự không đôn chính mà vi phạm nội quy của trường học ảnh hưởng đến danh tiếng của trường, nhà trường sẽ xem tình tiết nặng nhẹ dựa theo quy định thưởng phạt của sinh viên sẽ đưa ra thưởng hoặc phạt ra sao.
- 第三十六條 休學學生應於休學期滿前辦理復學手續，經核准復學時應入原肄業系（組）相銜接之學年或學期肄業。學生於學期中途休學者復學時應入原休學之學年或學期肄業，該休學學期內之成績概不計算，休學期滿未復學者以退學論。前項原肄業學系變更或停辦時，應輔導學生至適當學系肄業。其學生休、復學辦法另訂之。
- Điều 36 Sinh viên bảo lưu trước khi thời hạn kết thúc cần làm thủ tục xin học lại, sau khi thông qua phê chuẩn sẽ học tiếp năm học hoặc học kỳ chưa học xong trước đó. Sinh viên giữa học kỳ đột nhiên xin bảo lưu sau đó xin học lại cần học tiếp học tiếp năm học hoặc học kỳ chưa học xong trước đó, thành tích trong thời gian học kỳ xin nghỉ học tạm thời sẽ không được tính, đến thời hạn xin nghỉ học tạm thời nhưng chưa làm thủ tục xin học lại sẽ bị coi là thôi học. Khi khoa đang học dở trước đó có thay đổi hoặc ngừng hoạt động, cần hướng dẫn sinh viên đến khoa thích hợp để tiếp tục quá trình đào tạo. Quy định bảo lưu, xin học lại được đặt riêng.

第三十七條

學生有下列情形之一者，應令退學：

- 一、逾期未註冊或休學逾期未復學者。
- 二、操行成績不及格者。
- 三、修業期限屆滿，經依規定延長 2 年，仍未修足所屬系（組）規定應修之科目與學分者。
- 四、違反校規，情節嚴重，經本校學生獎懲委員會議決議退學者。
- 五、學業成績不及格科目之學分數，連續兩學期達學期修習學分總數三分之二者。
- 六、僑生、外國學生、海外回國升學之蒙藏生、原住民族籍學生、派外人員子女學生及符合教育部規定條件之運動績優學生，學期學業成績不及格科目之學分數，連續三學期達學期修習學分總數三分之二者。

無前列各款事由而自請退學者，須經申請核准後始得辦理退學手續。體育、軍訓必、選修課程學分數，應併入前第五、六款學分數內核計；學期修習科目在 9 學分以下者，得不受第五、六款之限制。

Điều 37

Sinh viên thuộc những trường hợp sau đây, sẽ phải thôi học:

- 1, Quá hạn chưa báo danh hoặc quá thời hạn bảo lưu nhưng vẫn chưa làm thủ tục xin học lại.
- 2, Thành tích học tập không đạt yêu cầu.
- 3, Thời hạn đào tạo kết thúc, đã kéo dài thêm 2 năm theo quy định, nhưng vẫn không học đủ tín chỉ và môn học mà khoa đã quy định trong quá trình đào tạo.
- 4, Vi phạm nội quy của trường, tình tiết nghiêm trọng, thông qua cuộc họp Ủy ban thưởng phạt sinh viên nhà trường quyết định cho thôi học.
- 5, Số tín chỉ không đạt yêu cầu, 2 học kỳ liên tiếp rớt tổng số 2/3 tín chỉ mỗi học kỳ.
- 6, Sinh viên Hoa kiều, học sinh nước ngoài, học sinh Tây Tạng từ nước ngoài về học lên cao, sinh viên người dân tộc thiểu số, sinh viên là con cái của nhân viên công tác nước ngoài và những sinh viên ưu tú phù hợp với điều kiện với quy định của bộ giáo dục, thành tích học tập học kỳ số tín chỉ không đạt yêu cầu trong 3 học kỳ liên tiếp tổng số 2/3 tín chỉ mỗi học kỳ.

Những sinh viên không phải những trường hợp trên nhưng có nguyện vọng thôi học, cần phải nộp đơn xin phê duyệt sau đó mới có thể làm thủ tục thôi học. Số tín chỉ môn học bắt buộc thể dục, huấn luyện quân sự cần gộp với số tín chỉ phần 5, 6 bên trên để tính; Số tín chỉ trong học kỳ dưới 9 tín chỉ, không thuộc mục 5, 6 bên trên.

第三十八條 退學學生如在校肄業滿一學期其學籍經核准者，得發給修業證明書，其請領證件須知另訂之。開除學籍者，不發任何證明文件，不准再應考本校之入學考試。

Điều 38 Sinh viên thôi học nếu học xong 1 học kỳ đã thông qua phê duyệt, sẽ được cấp giấy chứng chỉ đào tạo, những thông tin cần biết lĩnh giấy chứng chỉ được quy định riêng. Sinh viên bị khai trừ khỏi trường, không được cấp bất kỳ giấy chứng chỉ nào, không được tham gia thi vào trường nữa .

第三十九條 應予退學或開除學籍學生，若有異議，可依本校「學生申訴案處理辦法」提出申訴，申訴結果未確定前，不因申訴之提起，而停止原處分之執行，但在校生得繼續在校肄業。
前項受處分學生經校內申訴，未獲救濟者，得依法提起訴願及行政訴訟；原處分經上級主管機關決定或行政法院判決顯係違法或不當時，本校應另為處分。依前項規定經本校另為處分得復學之學生，因特殊事故無法及時復學時，本校應輔導復學；其復學前之離校期間，並得補辦休學。

Điều 39 Sinh viên thôi học hoặc bị khai trừ, nếu có ý kiến có thể dựa theo 「Luật xử lý vụ kiện tụng của sinh viên」 đưa ra kháng cáo, trước khi kết quả kháng cáo chưa đưa ra quyết định, không dừng việc thi hành hình phạt ban đầu do nộp đơn khiếu nại, nhưng sinh viên trường vẫn phải tiếp tục hoàn thành nốt quá trình đào tạo.

Những sinh viên xử phạt những mục bên trên, chưa nhận được hỗ trợ kinh tế, vẫn bị truy tố và tố tụng hành chính theo pháp luật; quyết định cơ quan chủ quản cấp trên hoặc phán quyết của tòa án hành chính là bất hợp pháp hoặc không đúng, nhà trường có thể sẽ đưa ra xử phạt riêng. Những sinh viên bị nhà trường xử phạt và được quay trở lại học, nhưng do có việc đặc biệt không thể đúng thời gian quay trở lại học, nhà trường cần phụ đạo sinh viên; Thời gian trước khi rời khỏi trường trước khi quay trở lại học, bắt buộc phải làm thủ tục xin nghỉ học tạm thời.

第六章 轉 學

CHƯƠNG VI CHUYỂN TRƯỜNG

第四十條 本校各系組除四年制一年級、應屆畢業年級及二年制三年級第一學期、應屆畢業年級外其餘各學期遇有缺額時，得辦理轉學考試。轉學考試，應公開舉行，招收轉學生辦法另訂，並報部核備。

Điều 40 Các khoa của nhà trường ngoài năm thứ nhất của hệ 4 năm, năm cuối sắp tốt nghiệp và học kỳ thứ nhất của năm thứ 3 của hệ 2 năm ra các học kỳ khác nếu có thiếu người, có thể làm thủ tục xin thi chuyển trường. Cuộc thi chuyển trường sẽ tổ chức công khai, phương thức chuyển tuyển dụng cũng được thiết lập riêng và báo cáo cho Bộ để xác minh .

第四十一條 轉學生轉入年級前應修之科目與學分，其已在原校修習及格者，得予列抵免修；轉入年級後應修之科目與學分，雖已在原校修習及格，必要時經甄試及格者，得列抵免修。自轉入年級學期起，每學期至少應修學分數，不得減少，學生抵免學分辦法另訂之。

Điều 41 Sinh viên chuyển trường trước khi nhập học cần học môn học và tín chỉ,

thành tích ở trường cũ đạt yêu cầu sẽ được miễn học; môn học và tín chỉ cần học sau khi đã nhập học, tuy thành tích ở trường cũ đạt yêu cầu, nhưng khi cần thiếu nếu bạn vượt qua bài kiểm tra thì sẽ được miễn. Bắt đầu từ học kỳ nhập học, mỗi học kỳ ít nhất cần học số tín chỉ không được giảm đi, sinh viên được miễn tín chỉ được quy định riêng.

第四十二條 因違反本校校規應令退學或操行成績不及格之學生，不得報考本校轉學考試。

Điều 42 Sinh viên do vi phạm nội quy của nhà trường bị đuổi học vì thành tích học tập không đạt yêu cầu, không được đăng ký thi chuyển trường vào nhà trường nữa.

第七章 轉系（組）、輔系、雙主修、雙聯學制

CHƯƠNG VII CHUYỂN KHOA, KHOA PHỤ TRỢ, HỌC HAI VĂN BẰNG, HỌC TRƯỜNG LIÊN KẾT

第四十三條 四年制學生除第一學年第一學期及最後一學年第二學期不得申請；二年制學生僅於三年級第二學期開始前得依規定申請轉系（組）。前項轉系（組），得包括同系之轉組與日間部、進修部互轉。轉系（組）辦法另訂之。

Điều 43 Sinh viên học hệ 4 năm học kỳ thứ nhất của năm thứ nhất và học kỳ thứ 2 năm cuối không được nộp đơn xin; sinh viên hệ 2 năm chỉ được trước khi bắt đầu học kỳ thứ hai của năm 3 dựa theo quy định xin chuyển khoa. Việc chuyển khoa (nhóm) bao gồm chuyển các nhóm cùng khoa và hệ ban ngày và hệ đào tạo tại chức ban đêm. Quy định về chuyển khoa (nhóm) được quy định riêng.

第四十四條 四年制學生修畢第一學年課程，二年制學生修畢第一學期課程，得自次一學期起，就本校各系選定一系為輔系、雙主修。選讀輔系者，至少應修畢輔系專業（門）必修科目 20 學分；選定雙主修者，應修畢另一主修學系全部專業（門）必修科目學分，其輔系、雙主修辦法另訂，並報部備查。

本校為促進國際學術交流，得與國外大學合作辦理雙聯學制，共擬相互承認之課程，並分別頒授學位。其實施辦法另訂並報部備查。

Điều 44 Sinh viên hệ 4 năm hoàn thành năm học đầu tiên của khóa học, sinh viên hệ 2 năm hoàn thành năm học đầu tiên của khóa học, bắt đầu từ học kỳ thứ tiếp theo có thể lựa chọn các khoa trong trường làm khoa phụ, học văn bằng hai. Những sinh viên lựa chọn học khoa phụ trợ, cần phải hoàn thành học ít nhất 20 tín chỉ của môn phụ trợ; Sinh viên lựa chọn học hai văn bằng, cần hoàn thành tất cả các tín chỉ của toàn bộ môn chuyên ngành bạn theo học. Khoa phụ đạo học hai văn bằng được quy định riêng và báo cáo cho Bộ.

第八章 畢業

CHƯƠNG VIII TỐT NGHIỆP

- 第四十五條 學生修業期滿，修畢應修之科目及學分，成績及格、實習完畢，並符合本校其他畢業條件，且操行成績及格者，准予畢業。由本校依相關規定，授予學士學位，發給學士學位證書。
- Điều 45 Sinh viên thời hạn đào tạo kết thúc, các môn học và tín chỉ đã hoàn thành, thành tích đạt yêu cầu, hoàn thành thực tập, và phù hợp với điều kiện tốt nghiệp của nhà trường, đồng thời điểm hạnh kiểm đạt yêu cầu. Theo quy định của nhà trường, cấp học vị cử nhân và cấp bằng học vị cử nhân.
- 第四十六條 學生修業期間，合於提前畢業標準者得申請提前一學期或一學年畢業，其提前畢業辦法另訂之並報部備查。
- 不合於提前畢業規定者，仍應註冊入學並修習所規定之課程。
- Điều 46 Trong thời gian đào tạo, những sinh viên đáp ứng các tiêu chí tốt nghiệp trước có thể nộp đơn xin tốt nghiệp trước một học kỳ hoặc một năm học, Quy định trước khi tốt nghiệp được đặt riêng và được báo cáo cho Bộ để tham khảo.
Những sinh viên không đáp ứng các tiêu chí tốt nghiệp trước vẫn phải đăng ký nhập học và học các môn học theo quy định.
- 第四十七條 應屆畢業生缺修學分，須於延長修業年限之第二學期重修或補修者，第一學期得申請休學，免予註冊，註冊者至少應選修一個科目。
- Điều 47 Sinh viên cần tốt nghiệp vẫn thiếu tín chỉ, cần kéo dài thời hạn học lại hoặc học bù học kỳ thứ 2, học kỳ thứ nhất cần phải xin tạm thời nghỉ học, miễn đăng ký, người đăng ký cần lựa chọn ít nhất một môn.
- 第四十八條 學生論文、創作、展演、書面報告或技術報告，及其他畢業條件之證明文件如有偽造、變造、冒用、抄襲或舞弊情事，經調查屬實者，本校得予撤銷並公告註銷其已發之學士學位證書。
- Điều 48 Luận văn, tác phẩm, biểu diễn, báo cáo văn bản hoặc báo cáo kỹ thuật, và các giấy tờ chứng minh điều kiện tốt nghiệp có hành vi ngụy tạo, thay đổi, đánh cắp, đạo văn hoặc lừa đảo, sau khi điều tra là sự thật, nhà trường có thể thu hồi và thông báo hủy bỏ chứng chỉ bằng cử nhân đã cấp.

第九章 附 則

CHƯƠNG IX BỔ SUNG

- 第四十九條 學生在校肄業之系（組）班別、年級與學業成績、註冊、轉系、轉學、輔系、雙學位、休學、復學、退學等學籍紀錄，概以教務處（組）各項學籍與成績登記原始表冊為準。
- Điều 49 Những ghi chép về lớp khoa, năm học, thành tích học, đăng ký, chuyển khoa, chuyển trường, khoa phụ đạo, học hai văn bằng, xin nghỉ học tạm thời, quay trở lại học, thôi học, hồ sơ học tập và đăng ký thành tích của sinh viên tại trường đều lấy bảng danh sách ban đầu của phòng Giáo Vụ làm chuẩn.
- 第五十條 入學新生姓名、出生年月日、身分證字號應以身分證所載者為準；入學資格證件所載與身分證所載不符者，應立即更正。在校學生及畢業生申請更改姓名、出生年月日、身分證字號等，應檢具相關證明，經教務處

- 核准後更正之。
- Điều 50 Họ tên ,ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân của học sinh mới nhập học đều lấy thông tin ở trên chứng minh thư nhân dân làm chuẩn; Nếu giấy chứng nhận nhập học không phù hợp với chứng minh nhân dân, cần thông báo sửa ngay lập tức. Nếu sinh viên nhà trường hoặc sinh viên đã tốt nghiệp cần xin thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân, cần có giấy chứng minh có liên quan, sau khi thông qua phòng Giáo Vụ sửa chữa sau khi phê duyệt .
- 第五十一條 新生、轉學生入學等相關名冊應於當學期註冊後 2 個月內建檔造冊，並簽請校長核備。退學生、畢業生等相關名冊則於次學年度開學後 2 個月內造冊，並簽請校長核備。
- Điều 51 Danh sách liên quan đến sinh viên mới, sinh viên chuyển trường sẽ được làm trong vòng 2 tháng sau khi đăng ký học kỳ đó, và thông qua hiệu trưởng sẽ ký phê duyệt. Danh sách sinh viên thôi học, tốt nghiệp sẽ được lập trong vòng 2 tháng sau khi bắt đầu năm tiếp theo, và thông qua hiệu trưởng sẽ ký phê duyệt.
- 第五十二條 學生在校之獎懲、操行成績、申訴、緩徵等事宜，其辦法由學務處（組）另訂之。
- Điều 52 Những việc như thưởng phạt, thành tích học tập, kiện tụng, trì hoãn của sinh viên trong trường, sẽ do phòng Học Vụ (tổ) quy định riêng.
- 第五十三條 本校學生突遭教育主管機關認定之重大災患者，經校內會議決議後，有關該生入學考試及資格、註冊、繳費及選課、請假、成績考核及學分抵免、休學、退學、復學、退費及修業期限與畢業資格條件等彈性修業機制規定另訂之。
- Điều 53 Sinh viên nhà trường gặp phải tai họa lớn được cơ quan chủ quản giáo dục nhận định, sau khi thông qua hội nghị trường học đưa ra quyết định, những việc liên quan đến sinh viên đó như thi vào trường, đăng ký, nộp phí, chọn môn, xin nghỉ, thành tích đánh giá, miễn tín chỉ, tạm thời nghỉ học, thôi học, xin học lại, trả lại phí và thời gian đào tạo, tư cách tốt nghiệp sẽ có những cơ chế đào tạo linh hoạt sẽ được quy định riêng.
- 第五十四條 本學則未盡事宜，依照相關法令規定及本校相關辦法與會議決議辦理。
- Điều 54 Nhà trường những sự việc chưa quyết định, sẽ dựa theo quy định pháp lệnh có liên quan và biện pháp liên quan của nhà trường và nghị quyết hội nghị để tiến hành xử lý.
- 第五十五條 本學則經校務會議通過，陳請校長核定後實施，另報教育部備查，修正時亦同。
- Điều 55 Nhà trường thông qua hội nghị trường vụ, sau khi hiệu trưởng phê chuẩn thực thi, sẽ báo cáo cho bộ Giáo Dục, khi cần sửa đổi cũng sẽ như thế.